

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HS-ST

Ngày: 18/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Khỏe và bà Nguyễn Thị Bích Nga.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và điểm cầu thành phần – Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ Q số 60/2023/HSST ngày 10/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/HSST-QĐ ngày 05/5/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình N, sinh năm 1994; ĐKKHKT: TDP B, thị trấn B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở: Số 18 V, phường V1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Đình A và bà Ngô Thị A1; Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2021/HSST ngày 18/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố HD xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt 15.834.000 đồng (chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/8/2022).

Nhân thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 19/10/2012, Công an phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (đã thi hành xong).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2014/HSST ngày 24/12/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 39 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt 96.060.000 đồng (chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/6/2017, nộp án phí ngày 14/5/2015).

Bị cáo hiện đang tạm giam tại trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; Hiện cư trú tại: Số 248 K, khu Ecoriver X, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; Hiện cư trú tại: Số 18 V, phường V1, thành phố HD, tỉnh X. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1981. Hiện cư trú tại: Số 196 C, phường C1, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Thành phần tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:*

+ Ông Nguyễn Quang Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Văn Chính, ông Vũ Khắc Kiên – Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/01/2023, Nguyễn Đình N đi bộ từ nhà vào khu đô thị Ecoriver tập thể dục. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 ở số nhà 248 K, khu đô thị Ecoriver, phường V1, thành phố HD, N thấy cổng nhà chị S không đóng, ở trước cửa nhà có dựng 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu xanh, biển số 34M1-069.54, trị giá 23.030.000 đồng, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện trên. N đi qua lại nhiều lần để quan sát, thấy không có ai trông giữ tài sản nên N đi vào trong sân dong xe ra khỏi cổng, mở khóa điện, ngồi lên xe rồi điều khiển xe đến một nhà đang xây dựng tại khu đô thị Ecoriver, chưa có người ở rồi dùng tay tháo biển số xe cất vào cốp. Bên trong cốp xe có để 01 bộ sạc pin của xe và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị R. Sau đó, N điều khiển xe máy điện vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng mua bán xe máy, xe điện cũ tại địa chỉ số 196 C, thành phố HD gặp chủ cửa hàng là anh Nguyễn Trọng Q. N nói với anh Q “*Em có cái xe không đi nữa, anh có mua xe không thì em bán*”. Anh Q thấy xe không có biển số nên không mua thì N nói với anh Q là N có việc cần tiền nên muốn để lại chiếc xe trên làm tin để vay tiền. Anh Q đồng ý và cho N vay số tiền 8.500.000 đồng, hẹn đến ngày 17/01/2023 đến trả tiền thì lấy lại xe. Sau khi nhận tiền, N đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 30/01/2023, chị S có đơn trình báo Công an phường V1, thành phố HD, quá trình điều tra, chị S đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương 01 đĩa DVD chứa 01 tệp video quay lại hình ảnh từ camera của nhà chị S ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp chiếc xe máy điện. Quá trình rà soát tại Công an phường V1, thành phố HD, cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Đình N lên làm việc. Tại cơ quan điều tra, N đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện của chị S. Ngày 31/01/2023, anh Nguyễn Trọng Q giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast màu xanh, biển số 34M1-069.54, bên trong cốp có 01 bộ sạc pin của xe và 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị R.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 17/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND TP. Hải Dương kết luận: Chiếc

xe máy điện nhãn hiệu VinFast màu xanh, biển số 34M1-00954, số máy VFHCEAD221021D0250, số khung RPXP1LHHVNE049614 (kèm theo 01 bộ sạc xe máy điện Vinfast), trị giá là 23.030.000 đồng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy điện trên là tài sản của chị S mua lại của chị R, cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đã trả lại cho chị S. Chị S không yêu cầu N bồi thường về dân sự. Anh Nguyễn Trọng Q đã được gia đình N bồi thường số tiền 8.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSTPHD, ngày 06/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Đình N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị, chị S xác định chị đã nhận lại tài sản, không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Trọng Q vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn đề nghị, anh Q xác định gia đình N đã trả lại số tiền 8.500.000đ N vay của anh nên không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa chị M xác định số tiền bị cáo nhờ hoàn trả cho anh Q, chị không yêu cầu bị cáo trả lại, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N, phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam (ngày 03/2/2023); Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản Q sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Căn cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Đình N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 12/01/2023, tại nhà của chị Nguyễn Thị S ở số 248 K, khu đô thị Ecoriver, phường V1, thành phố Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc trông giữ tài sản, Nguyễn Đình N đã lén lút chiếm đoạt của chị S 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Vinfast, màu xanh, biển số 34M1- 069.54, trị giá tài sản chiếm đoạt là 23.030.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động nhờ gia đình hoàn trả cho anh Q số tiền 8.500.000đ, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Cần nhắc tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc xe máy điện bị cáo chiếm đoạt của chị S, cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị S nên không phải xem xét giải quyết. Bị cáo đã tác động gia đình hoàn trả anh Q số tiền 8.500.000đ bị cáo đã vay. Chị M xác định số tiền trả anh Q, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Trọng Q có hành vi mua chiếc xe máy điện của N, quá trình điều tra không có căn cứ xác định anh Q biết đó là tài sản do N trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản Q sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 22 (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 03/2/2023).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/5/2023); Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- CQ HSNV Công an TP Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

